TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 08/2023/HNGĐ - ST
Ngày 28 – 02– 2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Du
2. Ông Đoàn Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX - ST ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Lê Thị Anh Đ, sinh năm: 1980
Địa chỉ: khu phố Long Điền 1, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: ông Phạm Văn L, sinh năm: 1965
Địa chỉ: khu phố Long Điền 1, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 30/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà Đ đã nhiều lần phải ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Nguyên nhân là ông Lkhông chịu làm ăn, mọi chi phí trong gia đình một mình bà bỏ ra, ông Lkhông có thu nhập ổn định. Đồng thời ông Lthường xuyên hay chửi bới, xúc phạm đến bà Đ và con riêng của bà, thậm chí còn có hành vi bạo lực với bà. Bà Đ nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho bà được ly hôn với ông Luyện.

Về con chung: Bà Đ và ông Lkhông có con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: không có

Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Ông thừa nhận lời khai của bà Đ về thời gian kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng như bà Đ trình bày. Theo ông mâu thuẫn của vợ chồng ông xảy ra một phần từ nguyên nhân bà Đ và con riêng của bà Đ không tôn trọng ông, việc ông có lời lẽ xúc phạm đến bà Đ và con của bà Đ mục đích chỉ là muốn góp ý cho bà Đ mà thôi.

Ông Lthừa nhận vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay và quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra niều mâu thuẫn, đã nhiều lần bà Đ bỏ nhà ra nhà trọ sống riêng, sau đó lại về chung sống lại cùng nhau. Tuy nhiên, trước yêu cầu ly hôn của bà Đ ông không đồng ý, với lý do ông theo đạo thiên chúa nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phước Long, tỉnh

Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Lvẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Anh Đ và ông Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2013, tại Ủy ban nhân dân phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, ngày 30/8/2013. Do vậy, hôn nhân giữa bà Đ và ông Llà hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà Đ và ông Luyên đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, vợ chồng hiện đã sống ly thân. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc và tôn trọng đối với nhau. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Lđã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho bà Đ được ly hôn với ông Luyện.

[2.2] Về con chung; tài sản chung và nợ chung: ông Lvà bà Đ đều thừa nhận không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Anh Đ được ly hôn với ông Phạm Văn L.

- Về con chung: không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Lê Thị Anh Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0008398 ngày 19/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường Long Phước (số 104, ngày 30/8/2013)
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh